

ĐỊNH VỊ "BẮC HÀNH TÙNG KÍ" CỦA LÊ QUỲNH TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN THẾ KỈ 18 -19

Trần Thị Thanh Huyền
Trường Đại học Khánh Hòa

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 26/10/2022

Ngày phản biện: 28/10/2022

Ngày duyệt đăng: 08/11/2022

Title:

Evaluate "Bac hanh tung ky"
of Le Quynh in Vietnam's
literature in the 18th-19th
century

Từ khóa:

Bắc hành tùng kí, Lê Quỳnh,
ký, văn xuôi tự sự trung đại,
văn học thế kỷ XVIII

Keywords:

Bac Hanh Tung Ky, Le
Quynh, Ky, Medieval
autobiographical prose, 18th
century literature.

ABSTRACT

Memoirs, short stories, and novels are three components of medieval Vietnamese autobiographical prose. Le Quynh (1750 - 1805) – a loyalist of the Le Dynasty in exile in China, recorded the events, feelings, and confidants of his personal as well as those who were in the same situation with him under Le dynasty for about fifteen years, living as a prisoner in the North. Le Quynh's work is a continuation of the achievements of previous authors in the autobiography. Moreover, it contributes to making this literary genre one of the genres that create the magnificent achievements of the literary period in the eighteenth century.

TÓM TẮT

Ký cùng với truyện ngắn và tiểu thuyết chương hồi là ba bộ phận cấu thành văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại. Lê Quỳnh (1750 - 1805) – một trung thần của nhà Lê lưu vong trên đất Trung Hoa đã ghi chép lại những biến cố, nỗi niềm và tâm sự của cá nhân ông cũng như của các vong thân nhà Lê trong khoảng mười lăm năm sống dưới thân phận tù nhân nơi ngục tù đất Bắc. Tác phẩm của Lê Quỳnh là một bước tiếp nối những thành tựu của các tác giả đi trước về thể loại ký và góp phần đưa thể loại văn học này trở thành một trong những thể loại làm nên thành tựu rực rỡ của giai đoạn văn học thế kỉ XVIII.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kì văn học trung đại Việt Nam, thể ký cùng với truyện ngắn và tiểu thuyết chương hồi là ba bộ phận cấu thành văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam. Đặc biệt, thế kỷ XVIII - XIX là giai đoạn đáng chú ý của thể ký trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam. Ký phát triển thêm một bước mới, các tác giả viết ký đã bám sát hiện thực, phản ánh những sự kiện về đất nước, về con người và chính bản thân mình một cách trực tiếp. Sự kết hợp nhiều bút pháp nghệ thuật đa dạng và linh hoạt như: nhật ký, hồi ký, du ký, ký phong cảnh, ký người, tùy bút... đã đưa thể ký trung đại Việt Nam đạt đến đỉnh cao và hoàn thiện hơn. Trong đó, tác phẩm của Lê Quỳnh là một bước tiếp nối những thành tựu của các tác giả đi trước về thể loại ký. Ông là vong thân lưu lạc nơi đất khách nên *Bắc hành tùng*

ký được xem là tác phẩm văn xuôi tự sự hải ngoại đầu tiên của nền văn học Việt Nam thời trung đại. Đây là một tác phẩm đặc sắc, sự đóng góp của tác phẩm và tác giả Lê Quỳnh chính là thành tựu nổi bật của thể ký thế kỷ XVIII - XIX.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của ngành khoa học xã hội nhân văn như sau:

2.1. Phương pháp lịch sử - xã hội

Lấy những yếu tố của lịch sử - xã hội giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX để lý giải bối cảnh tác phẩm ra đời và giá trị tiêu biểu của tác phẩm.

2.2. Phương pháp so sánh – đối chiếu

So sánh đặc sắc về mặt nội dung và nghệ thuật của tác phẩm so với các tác phẩm tương đồng khác.

2.3. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phân tích và tổng hợp những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm *Bắc hành tòng ký*.

2.4. Phương pháp thi pháp học

Nghiên cứu *Bắc hành tòng ký* dựa trên những đặc trưng về thể loại ký thời trung đại cũng như những đặc điểm về thi pháp văn học thời kì này.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1 Về tác giả Lê Quýnh (1750 – 1805) và dịch giả

Về tác giả Lê Quýnh

Ông tên thật là Lê Doãn Hữu, nguyên quán tại hương Đại Mão, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là thôn Đại Mão, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Cuộc đời của Lê Quýnh trải qua nhiều biến cố trải dài suốt những năm tháng loạn lạc của đất nước ta. Gần mười lăm năm sống dưới thân phận tù nhân nơi ngục tù đất Bắc nhưng ông vẫn giữ vẹn tấm lòng yêu nước nồng nàn, có lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và là một người bất khuất trước hoàn cảnh, trước những biến động của thời cuộc. Lê Quýnh đã hoàn thành sứ mệnh trong tâm của mình, một lòng hướng về nước Việt. Ông trở thành tấm gương tiêu biểu cho người đời sau về một nhà nho giữ gìn trọn vẹn nghĩa khí, trọn vẹn nhân cách đạo đức của một lương thân thời loạn.

Về dịch giả.

Năm 1969, *Bắc hành tòng ký* lần đầu được dịch và chú giải bởi Giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong các *Tập san Sử Địa* tập 13, 14-15, 16. Mới đây vào tháng 2 năm 2020, nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Chính đã dịch lại tập hồi ký với cái tên *Bắc hành lược ký*. Bản dịch này được dịch theo bản *Bắc hành lược ký* đăng trong Nam Phong tạp chí, phần Hán văn từ số 125 - 131 (1 – 6, 1928).

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng bản dịch của giáo sư Hoàng Xuân Hãn là chủ yếu và chỉ tham khảo bản dịch của Nguyễn Duy Chính để có thêm tư liệu. Có sự lựa chọn này là bởi chúng tôi nhận thấy bản dịch của nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Chính thiên về giải mã tác phẩm ở góc độ lịch sử, văn phong học thuật và chưa giúp chúng tôi cảm nhận *Bắc hành tòng ký* như một tác phẩm văn học. Trong khi đó, bản dịch của Hoàng Xuân Hãn sát với nguyên tác hơn và có phần

phụ chú rõ ràng, có sự so sánh giữa tác phẩm với các tài liệu sử học khác. Người dịch cũng đưa ra những quan điểm, bình luận khách quan về giá trị nghệ thuật của *Bắc hành tòng ký* khá sâu sắc, giúp người đọc có thể dễ dàng theo dõi và cảm nhận tập ký này.

3.2. Tóm tắt *Bắc hành tòng ký*

Bắc hành tòng ký ghi chép về số phận của vua Lê Chiêu Thống, các vong thần khi sang cầu viện nhà Thanh và Lê Quýnh – tác giả là một trong số vong thần đó.

Tác phẩm được xem là văn xuôi tự sự hải ngoại đầu tiên của nền văn học trung đại Việt Nam vì hiện lên trong tác phẩm là những ngày tác giả bị giam cầm trong ngục tù của nhà Thanh. Ông đối mặt với hiện thực rằng vương triều đã sụp đổ, thời thế đã xoay chuyển, tác giả với tâm trạng u uất, đau buồn, nung nấu ý “phục quốc” nhưng bất thành. Trong suốt thời gian mười lăm năm chịu ngục oan, tác giả và các vong thần phải đứng trước những âm mưu, thủ đoạn nham hiểm nhằm dụ dỗ, mua chuộc họ “đầu hàng” của người Thanh. Lê Quýnh đã thể hiện rõ bản lĩnh của một người kiên cường, có lòng tự trọng và tinh thần tự tôn dân tộc đã không chịu cúi đầu, thay đổi trang phục theo phong tục Mãn Châu để có được cuộc sống hưởng lộc từ triều đình nhà Thanh. Cuối cùng, những năm tháng sống trong ngục tù, trải qua nhiều cuộc tra hỏi, dụ dỗ của người Thanh cũng chấm dứt. Lê Quýnh và các vong thần giữ trọn phẩm tiết được thả ra khỏi ngục vào ngày mùng 4 tháng 4 nhuận năm Canh Thân, Gia Khánh thứ 5 (1800). Họ được an táng ở cách phía tây Kinh thành mười hai dặm và ở tại xưởng Lam Đình bên ngoài Hỏa khí doanh. Đầu tóc, trang phục được để tự do, không ép buộc. Phần mộ của chúa cũ được phép thăm viếng và con cái cũng được phép qua lại. Năm Giáp Tý (1804), năm Gia Long thứ ba, bọn Lê Quýnh được giữ tóc, được đưa hài cốt vua Lê cũ, thái hậu và nguyên tử về nước an táng tại Thanh Hóa. Số phận của mỗi người khác nhau, có người ra làm quan dưới triều Nguyễn, có người xin về quê hương. Còn tác giả an dưỡng tuổi già tại quê nhà nhưng chỉ một năm sau thì mất.

3.3. Vị trí của *Bắc hành tòng ký* trong ký Việt Nam thế kỷ XVIII – XIX

Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, có một tác phẩm ký viết về cảnh người tù Việt Nam trong ngục tù Trung Hoa. Đây là một tác

phẩm hải ngoại, ghi lại những sự kiện, con người ở đất nước khác trong sự quan sát của một vong thân tiền triều. Lê Quýnh là vong thân lưu lạc đất Trung Hoa, trong hoàn cảnh ngục tù đầy khó khăn ấy, Lê Quýnh đã viết ra những nỗi niềm, những trăn trở của một kẻ mất nước nhưng không thể xoay chuyển được thế cuộc. Ban đầu Lê Quýnh được mời sang nước Trung như một vị khách, cuối cùng lại bị giam trong ngục chỉ vì không chịu cắt tóc, thay đổi trang phục theo người Mãn Châu. Những gì tác giả đã trải qua, sống như thế nào đều được ông ghi lại trong tập ký này. Bên cạnh đó, tác giả còn cho người đọc biết trong lời tựa tự lý do khác khi quyết định sang đất Bắc. Đó là vì để bảo vệ cho vua Lê và thân quyến nên họ phải lánh nạn sang đất Trung. Một phần triều Lê có vọng tưởng được triều Thanh che chở, giúp vua Lê phục lại vương triều nhưng không ngờ họ lật lọng và lừa dối. Tìm hiểu *Bắc hành tòng ký* sẽ góp phần tạo nên những cái nhìn mới trong việc nghiên cứu lịch sử nước ta về sự suy tàn của triều Lê cũng như triều Tây Sơn. Nếu như *Hoàng Lê nhất thống chí* ca ngợi người anh hùng áo vải quang Trung, ca ngợi anh em nhà Tây Sơn và coi quân thần nhà Lê là những kẻ bán nước “công rắn cắn gà nhà” thì qua *Bắc hành tòng ký* và những sự kiện được tác giả đề cập đến đem đến cái nhìn khác về lịch sử từ góc độ nhà Lê. Từ đó, tác giả như đặt ra những băn khoăn buộc chúng ta phải có cái nhìn hai chiều về những gì đã diễn ra trong thời kỳ loạn lạc, về vua Lê Chiêu Thống và những trung thần như Lê Quýnh. Đồng thời, đi sâu vào tác phẩm, những vấn đề hiện thực đương thời cũng được phản ánh chân thực và sinh động thông qua ngòi bút tài hoa của Lê Quýnh.

3.4. Bắc hành tòng ký phản ánh những vấn đề của hiện thực đời sống đương thời

Chẳng hạn, qua sự kiện Hộ tống thái hậu một bức tranh xã hội Bắc Hà vào cuối thế kỷ XVIII được phản ánh sắc nét. Theo ghi chép của Lê Quýnh, số người chạy sang đất Thanh trong sự kiện này chừng gần bảy mươi người. “Tháng Giêng năm Mậu Thân (1788), niên hiệu Càn Long thứ 53, vua Chiêu Thống ở tại Giang Bắc (tức Kinh Bắc). Đến tháng 2, chạy về phía Đông, tháng ba chạy qua Vị Hoàng ở Sơn Nam. Khi ấy, thái hậu cùng nguyên phi (Nguyễn Thị Kim), nguyên tử (con trai

Nguyễn Thị Kim) đều ở Thái Nguyên. Vua rất lấy làm lo, sai Quýnh và Nguyễn Quốc Đống (anh Nguyễn Thị Kim) đi làm tả hữu hộ vệ sứ cho thái hậu. Tháng 4, đến Thái Nguyên, thấy quân thưa, tướng ít, và lại bị quân Tây Sơn tiến gần bên mời thái hậu đi trấn Mục Mã thuộc Cao Bằng. Tháng 5, quân Tây Sơn kéo đến. Phiên mục Hoàng Ích Hiếu theo lời dặn của đốc đồng Nguyễn Huy Túc lấy thuyền buồm đưa thái hậu thuận dòng đến Thủy Khẩu (cửa sông Bằng vào biên giới Long Châu), tạm trú ở trên một gò nhỏ giữa sông thuộc thôn Bến xã Phát Mễ” [1, tr.23 – 24].

“Ngày mùng 9, quân Tây Sơn đến đông. Quýnh và Ích Hiếu chia nhau hai ngã mà ngăn chống. Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phương thủ hầu Nguyễn Quốc Đống, trưởng thu lĩnh Phạm Đình Quyền cùng nhau đưa thái hậu qua sông tới làng Đầu Áo mà vào đất Thanh. Chiều tối Quýnh và Ích Hiếu giữ gò nhỏ ở giữa sông Phát Mễ. Quân Tây Sơn lui tới hết đường, chỉ còn có thể đánh đến chết mà thôi. May tới đến, mưa gió to. Trong đêm tối, nhân chớp sáng mà lội qua sông, tới làng Đầu Áo trong núi Đồ Sơn.

Người nhà còn bày đĩa. Sáng dậy thấy thái hậu với nguyên phi, nguyên tử, cùng các tòng thần đều ở trong động núi. Lương hết. Tìm được bao ngô đem tiền, còn hơn sáu mươi người đều lấy rễ tươi bỏ cốt chỉ đập nát và quã ở trong rừng mà ăn cho đỡ đói. Người nhà tôi, Nguyễn Châm bị bệnh lưỡi trắng, không ngờ sau khi ăn bỏ cốt chỉ lập tức khỏi bệnh” [1 tr.24].

Cho đến tháng 6 năm ấy, tổng đốc Lương Quảng là quan lớn họ Tôn, tên Sĩ Nghị đã xem xét rõ đầu đuôi sự việc. Lê Quýnh và Huy Túc đem chuyện thật thuật lại, xin cho thái hậu và cung quyến ở lại nội địa, để Quýnh, Quốc Đống cùng Huy Túc trở về theo chủ mà lo khôi phục lại triều đình. Quan tổng đốc nghe xong, đem chuyện tâu lên hoàng đế Càn Long và được nhà Thanh cứu viện. Vua Thanh còn ban thưởng cho nhóm Quýnh 500 lạng bạc và các hàng sô, đoạn. Tháng 7, theo lời hoàng đế đại Thanh, Lê Quýnh cùng Nguyễn Quốc Đống theo đường biển Quảng Đông về nước để thăm thính tình hình. Sự kiện nhà Thanh giúp vua Chiêu Thống lập lại giang sơn đã được lưu truyền trong nhiều sử sách và cũng được *Bắc hành tòng ký* ghi chép nhưng dưới góc nhìn của người trong

cuộc là Lê Quýnh. Tháng 9 năm Mậu Thân 1788, bọn Lê Quýnh gặp vua Lê ở huyện Tứ Kỳ thuộc Hải Dương. Quýnh nghe lệnh cùng với hàn lâm thị độc Hương phái hầu Lê Duy Đản (tiền sĩ người xã Hương La, huyện Yên Phong), hàn lâm hiệu lí Đình Nhạc bá Trần Danh An (tiền sĩ người Gia Định, xã Bảo Triện) đi theo đường tắt tới Ai Diễm thuộc Lạng Sơn để sang nội địa báo tin và tạ ơn. Cùng năm đó, quân Thanh nhanh chóng thực hiện kế hoạch, nhanh chóng lấy lại thành Lạng Sơn rồi thành Thăng Long. Nhà Lê lấy lại được thành trì, được Thanh triều ban sắc ấn phong vua làm An Nam quốc vương. Nhưng không kéo dài được lâu, sự tình thay đổi trong yểm trợ, Tôn Sĩ Nghị dùng đường vi quân Thanh bị khó khăn về đài trạm, nhân công cùng với vua Càn Long ra lệnh rút về. Vừa khi đó, Lê Quýnh bị sốt rét nặng, nằm bệnh ở quê nhà cho nên không biết chuyện Thăng Long đã mất. Vua Lê và gia quyến lúc này chỉ còn con đường thoát thân duy nhất là chạy sang đất Trung Hoa. Âm mưu thâm hiểm của nhà Thanh thất bại đồng thời đẩy vua và quan thần nhà Lê vào tội danh thiên sử “công răn cản gả nhà”.

Nhìn chung, về cơ bản, *Bắc hành tòng ký* kể lại những sự kiện lịch sử, những câu chuyện về Lê Quýnh hoặc có liên quan đến Lê Quýnh. Thông qua đó, tác phẩm phản ánh được thời đại đầy biến động của lịch sử đương thời, nhà Lê thì nhu nhược, quân Tây Sơn thì ngày càng lớn mạnh. Song, hiện thực ở đây được phản ánh dưới cái nhìn của người trong cuộc từ góc độ nhà Lê, do đó giúp chúng ta hiểu hơn về thực trạng của lịch sử đương thời, về thế của nhà Lê lúc bấy giờ cũng như cách họ phản ứng lại với Tây Sơn đều trên tinh thần vì bảo vệ giang sơn.

3.5. Bắc hành tòng ký kể về số phận của vua Lê Chiêu Thống, gia quyến và đoàn vong thân ở đất Bắc

Thông qua *Bắc hành tòng ký*, Lê Quýnh đã nhận ra rằng, hoàn cảnh của vua Lê và đoàn tòng vong ở đất Bắc vô cùng khó khăn đối với việc cứu vãn tình thế chính trị của triều Lê lúc bấy giờ.

Thực chất việc nhà Thanh giúp Lê Chiêu Thống phục lại vương triều chỉ là cái cớ để danh chính ngôn thuận thực hiện âm mưu xâm lược nước Nam. Nhưng với tình hình thực tế, triều Tây Sơn đang lớn mạnh cùng

với tài ngoại giao tài tình của vua Quang Trung đã làm thay đổi cục diện. Vua Thanh không muốn chiến sự xảy ra nên ngăn cản Chiêu Thống và phái đảng trở về nước. Vì vậy, vua Lê phải ở lại Trung Quốc dưới sự bảo hộ của triều Thanh. Ông được Phúc Khang An an trí ở Quê Lâm và bị dỡ cắt tóc, cải trang. Đến cuối năm Kỷ Dậu (1789), vua Càn Long đã ra lệnh đem Chiêu Thống và đảng phái lên Bắc Kinh để cho cách xa biên thùy và cho cấp dưỡng đảng hoàng. Vào tháng giêng năm Tân Hợi (1791), Lê Quýnh nghe tin vua cũ cư trú cạnh Quốc tử giám, tại phía đông thành (Bắc Kinh), đã được trao chức tá lĩnh hậu quân thuộc hiệu cò Nhung hoàng (tức tá lĩnh trong Tương Hoàng kỳ Hán quân). Còn những bầy tôi đi theo vua Lê phải chịu cảnh phân tán ra an tháp ở nhiều nơi. Hoàng Ích Hiếu đi Y Lê, Phạm Như Tùng ở Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống ở Cát Lâm, Lê Hân đi phủ Phụng Thiên. Những người còn lại như Nguyễn Huy Hiền, Nguyễn Viết Triệu đều ở Nhiệt Hà.

Bắc hành tòng ký cũng nhắc đến số phận gia quyến của vua Lê Chiêu Thống. Những gia quyến còn ở lại trong nước đã được vua Lê xin vua Thanh bảo Quang Trung tìm đem sang để cùng đoàn tụ. Nhưng trong nước bấy giờ, địa vị của vua Quang Trung đã được củng cố, Quang Trung cố tình thoái thác rồi bỏ lảng việc ấy. Đặc biệt, có một nhân vật được Lê Quýnh nói đến, đó chính là Hoàng phi Nguyễn Thị Kim qua bài hành *Tỳ bà phu nhân tuân tiết* của Nguyễn Huy Túc. Về cuộc đời Hoàng phi Nguyễn Thị Kim, bà là vợ vua Chiêu Thống, là mẹ của Nguyên tử. Theo như *Hoàng Lê nhất thống chí* ghi chép thì khi Chiêu Thống chạy sang kinh Bắc, em thứ ba của vua là Lê Duy Chi đem bà chạy lên Tuyên Quang trú ẩn. Sau khi Lê Duy Chi bị bắt và bị giết, bà trở về kinh Bắc trốn ở nhà dân. Tây Sơn có thời gian truy lùng dấu tích của bà nhưng không tìm bắt được. Nguyễn Huy Túc nói rõ rằng Hoàng phi trốn ở Vông La thuộc Sơn Tây, về sau trốn ở chùa. Sau khi hài cốt của vua Lê được các quan mang về nước an táng, bà xót xa khóc lóc thảm thiết rồi nguyện chết theo để hầu bên lăng tẩm. Rồi Hoàng phi liền uống thuốc độc tử tự. Ai nghe tin đó cũng đều thương xót. Bà là một người có lòng trung trinh, nghĩa tiết, cuộc đời bà nặng tình với vua, với triều Lê. Qua cách viết của Lê

Quýnh, có thể thấy ông và Hoàng phi đồng điệu về tấm lòng trung nghĩa nên tác giả đã dành một sự kính trọng đối với vị Hoàng phi này.

Về số phận của các tông vong khác, sau khi vua Lê mất, họ cũng không còn chấp niệm về nghiệp phước quốc nên đã nghe theo sự an bài của thái hậu và vua Thanh sống lại đất Bắc nhưng vẫn chịu sự giám sát của triều đình. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn có phụ chú phần này dựa vào *Hoàng Lê nhất thống chí*: “Năm đầu Gia Khánh, Bình Thịn (1796), hết tang vua Lê, thái hậu nghĩ rằng các cô thần ở đất khách khổ sở mà không biết ngày nào về nước được, dâng biểu xin cho các người tông vong được phép cưới vợ. Vua Thanh bằng lòng, lại ban cho mỗi người tám lạng bạc, Ba mươi lăm quan đại tiền (gồm 100 đồng) để cung vào lễ cưới. Ban sắc bảo ai nấy ở yên chỗ mình và giữ chức nghiệp mình làm” [1, tr.108]. Còn về những người thuộc nhóm Quýnh, trải qua nhiều biến cố, tấm lòng trung quân của họ vẫn vẹn nguyên, một lòng hướng về quê hương nên sau khi trở về nước được vua Gia Long chiêu mộ ra làm quan. Tháng 2 năm Ất Sửu (1805), Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo được vua Gia Long triệu vào Phú Xuân cùng với hai người khác là Lê Duy An và Nguyễn Hữu Cung. Vua Gia Long khen những vong thần có lòng tiết nghĩa, muốn triệu vào yết kiến và hỏi thăm sự tình lưu lạc nơi sứ người trong mười lăm năm dài. Sau đó cấp cho quần áo và tiền gạo. Về sau, vua Gia Long bổ Trịnh Hiến và Bình Đạo làm thị trung học sĩ, Hữu Cung làm cai cơ.

Như vậy, thông qua ngòi bút của Lê Quýnh, số phận của vua Lê Chiêu Thống, gia quyến và đoàn vong thần ở đất Bắc là vô cùng bi đát, đáng thương. Họ, có người phụ thuộc hoàn toàn vào nhà Thanh nhưng cũng có người chỉ nương nhờ đất bắc như một nơi ẩn thân để chờ sự giúp đỡ. Đồng thời, qua đây, chúng ta thấy được ở Lê Quýnh dù là một vong thần trung thành, một lòng theo đuổi nghiệp lớn, dựng lại cơ nghiệp nhưng với hoàn cảnh đương thời, ông đã có được một cái nhìn sáng suốt và những nhận định về dòng chảy của thế cuộc cho riêng mình. Ông nhận ra việc khôi phục nhà Lê là vô vọng và dần chấp nhận sự thật. Điều ông có thể làm để đền đáp ơn đức của vua, không then với

non sông chính là gìn giữ khí tiết của một kẻ trung với nước, hiếu với dân.

3.6. Bắc hành tòng ký tái hiện cuộc đời, nỗi lòng của một vong thần - Lê Quýnh

Đặc sắc nhất trong *Bắc hành tòng ký* chính là câu chuyện về cuộc đời của Lê Quýnh. Toàn bộ tác phẩm là một thiên ký sự dài hơi, được kể theo trình tự thời gian lịch sử về cuộc đời ngục tù của Lê Quýnh. Những câu chuyện đều xoay quanh việc ông và các vong thần bị bắt và bị dụ dỗ mua chuộc cắt tóc và thay đổi trang phục theo người Trung Quốc nhưng không nghe lời. Trải qua biết bao nhiêu thử thách, Lê Quýnh vẫn vẹn nguyên tấm lòng thành, ông xứng đáng là một bậc hiền tài và là một trung thần của nhà Lê. Tấm lòng trung của Lê Quýnh được thể hiện ở khí tiết, nhân cách và cách phản ứng của ông trước những dụ dỗ và ép buộc của nhà Thanh. Ông đặt chữ trung lên hàng đầu, lấy đức để soi rõ những sự việc, con người cũng như soi vào hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng, việc bảo vệ vua Lê cùng gia quyến là vấn đề quan trọng trên hết. Trên cương vị là vị quan đặc lực của Lê Chiêu Thống, ông còn mang nặng trọng trách trên vai là phải tìm mưu kế xoay chuyển thời cuộc, khôi phục vương triều. Đó là bổn phận, là trách nhiệm để Lê Quýnh đền đáp ơn vua. Và trên hết, ông là người nước Nam, Lê Quýnh hiểu rõ sự phân tranh quyền lực đầy phức tạp giữa các thế lực như lịch sử của thiên triều vua Lê – chúa Trịnh cách thời gian trước đó không lâu. Vì thế, cách ứng xử của một bậc trung thần trong tình cảnh khó khăn để chống lại nhà Tây Sơn của Lê Quýnh mong khôi phục cố đô là một điều tất yếu phải xảy ra.

Sau khi được vua Gia Long ân xá vào năm Giáp Tý (1804), ông về nước, các quan thần triều Lê cũ đã ra đón. Ông lo việc an táng cho chúa cũ xong thì về quê sinh sống, làm thầy tăng tại chùa Đại Đồng và không nhận một chức tước gì của triều đình mới ban cho. An phận dưỡng già nhưng tính cách vốn là người cương trực, nghĩa khí, Lê Quýnh đã cùng người nhà chặn đường, đánh lại tướng trộm tên Bi ở làng Bình Ngô. Ngày 1 tháng 9 năm Ất Sửu (1805), tên tướng trộm phục thù, đến đốt phá nhà và đâm Lê Quýnh khiến ông trọng thương nặng. Sau mười lăm ngày thì Quýnh mất, hưởng dương năm mươi lăm tuổi.

Cuộc đời của bậc chính nhân quân tử kết thúc bằng sự hi sinh vì chính nghĩa. Năm ba mươi chín tuổi sang đất Bắc, sống cuộc đời của kẻ tòng vong tha hương suốt mười lăm năm. Thời gian đó là những tháng ngày ngục tù hết sức đau khổ, tác giả phải trải qua những mưu mô gian xảo, kế bần đề hèn của người Trung Hoa. Dưới sức ép của triều đình nhà Thanh cũng như thời vận của nhà Lê đã tận, Lê Quýnh biết không thể phục dựng lại thời vàng son của vương triều cũ nhưng ông vẫn nguyện giữ tấm lòng trung quân ái quốc, không chịu khuất phục trước mệnh lệnh cắt tóc, thay đổi trang phục giống người Mãn Thanh. Sau những cuộc đấu trí, độ sức tinh thần giữa Lê Quýnh và nhà Thanh, chúng ta càng thấy được một tinh thần, tư tưởng, đạo đức và nhân cách, khí tiết sáng ngời của Lê Quýnh.

Theo sử sách, nhà Tây Sơn luôn được ca ngợi như phe chính nghĩa, phá tan sự viện trợ của Thanh triều cho nhà Lê, vì vậy mà những triều thần thuộc vương triều cũ bị phê phán và không được nhân dân nhớ đến nhiều. Lê Quýnh không tránh khỏi số phận như vậy, trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, các tác giả nhà họ Ngô chép toàn những chuyện không mấy vẻ vang và có phần bôi nhọ về danh dự của Lê Quýnh. Theo quan điểm và nhận định của các tác giả họ Ngô Thì, những việc làm của Lê Quýnh trong thời điểm này đều bị phê phán. Như về nhân cách của chính tác giả, *Hoàng Lê nhất thống chí* chê bai Lê Quýnh là một người không mấy tốt đẹp: “*Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại (nay là huyện Thuận Thành, Hà Bắc) vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của tiền sử triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, kinh thành thất thủ. Quýnh vâng mệnh vua theo hầu thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may được khôi phục lại nước nhà*” [2, tr.372 – 373]. Những ghi chép miêu tả con người Lê Quýnh

trong cuốn tiểu thuyết lịch sử chương hồi nổi tiếng này phần nào chưa đúng hoàn toàn, nguyên căn là tác giả các hồi sau của Hoàng Lê nhất thống chí là con cháu của Ngô Thì Nhậm là đối địch với Lê Quýnh.

Nhờ *Bắc hành tòng ký*, chúng ta hiểu thêm về hoàn cảnh và nhân cách của một số tòng vong như Lê Quýnh. Ông và những người bạn của mình đã trở thành những chính nhân quân tử trong lòng người đời sau. Dù không hi sinh mạng sống vì nước nhà nhưng chính ý chí tinh thần bất khuất, tấm lòng yêu nước kiên trinh đã giúp ông trở thành tấm gương tiêu biểu về một nhà nho giữ gìn trọn vẹn nghĩa khí, trọn vẹn nhân cách đạo đức của người Việt Nam.

3.7. Về phương diện nghệ thuật

Trước hết, bút pháp nghệ thuật nổi bật trong *Bắc hành tòng ký* là sự kết hợp giữa hiện thực và trữ tình. Lê Quýnh đã tái hiện lại một bức tranh chân thực về một đoạn đường lịch sử với nhiều biến động chính trị phức tạp của xã hội phong kiến Việt Nam cùng với đó là bức chân dung tự họa của tác giả, trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ, quan điểm, lí tưởng cũng như nỗi niềm riêng tư, những băn khoăn trăn trở của ông. *Bắc hành tòng ký* sử dụng bút pháp biên ký: lấy thời gian làm tuyến tính để tập trung phản ánh một sự kiện, một chủ đề: hành trình lưu vong của vị quan nhà Lê và cuộc đấu trí, đấu lý kéo dài mười lăm năm của tác giả để giữ gìn truyền thống, thuần phong mĩ tục của người Việt đó là không thay đổi trang phục, cắt tóc giống người Mãn Thanh. Ngoài ra ông còn sử dụng bút pháp chính luận để đối đầu với những âm mưu của người Thanh. Trong gần mười lăm năm sống cảnh ngục tù, Lê Quýnh đã phải đối mặt với rất nhiều lần dụ dỗ, thăm vãn, ông đã dùng những lí lẽ, dẫn chứng, lập luận thấu tình đạt lý để đối đầu với những âm mưu gian xảo của người Thanh. Trên cương vị là người được quan tổng đốc Phúc Khang An mời sang bàn chuyện nước, Lê Quýnh đã cho thấy chí lớn phục quốc của mình và khí tiết của một đức trung quân có lí tưởng và tinh thần dân tộc mãnh liệt. Cuộc độ sức tinh thần kéo dài dai dẳng mang nhiều cung bậc cảm xúc: khi căng thẳng, khi nhẹ nhàng, khi cương quyết, khi tình cảm. Vì thế trong các cuộc tra khảo, thăm vãn trực tiếp, trả lời các quan nhà Thanh, tác giả đã vận dụng nhiều phương thức, biện

pháp nghệ thuật để biểu đạt cho lời nói làm tăng sức thuyết phục và có giá trị cho lập luận của mình. Lê Quính sử dụng lối văn nghị luận, dùng nhiều điển tích, điển cố để đưa ra góc nhìn của bản thân về tình thế của thời cuộc. Bên cạnh đó ông còn dùng cách nói phủ định để khẳng định những lí lẽ, quan điểm và nhân cách của mình. Sau cùng, *Bắc hành tòng ký* là một trường thiên hồi ký xen nhiều thể văn: bài biểu, văn trần tình, văn báo cáo, văn trần tình, thơ, thư từ... rất linh hoạt và hài hòa. Đó là sự minh chứng cho ngòi bút tài hoa của tác giả, đưa người đọc trở về với quá khứ và theo dõi cuộc đời nhiều thăng trầm của ông. Những tông vong như Lê Quính đến ngày nay vẫn bị xem là vết nhơ của lịch sử, mang nặng tội danh với đất nước, quê hương. Qua *Bắc hành tòng ký*, tác giả đã phần nào giải bày tâm tư giúp người đời sau biết và hiểu hơn về những con người vẫn giữ vẹn lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc. Tập ký đã tôn vinh Lê Quính, con người hội tụ đủ sự mưu trí, khí tiết trung trinh, lý tưởng trung quân ái quốc, phẩm hạnh thanh liêm và một tấm lòng yêu nước thủy chung sắc son với đất nước dù ở trong hoàn cảnh nào, ở bất cứ nơi đâu.

Bắc hành tòng ký đã hoàn thành sứ mệnh của mình khi trở thành minh chứng lịch sử cho biến động của nước ta giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX và tiết tháo của một kẻ cô trung đối cự hoàng chờ ngày trở lại quê hương. Tập ký không chỉ ghi chép những góc khuất của ít người biết đến của những con người, của thời đại lúc bấy giờ mà còn là tác phẩm văn học giúp người đọc có góc nhìn mới về những tông vong nhà Lê. Nhờ tập hồi ký, chúng ta hiểu thêm về hoàn cảnh và nhân cách của một số tông vong như Lê Quính. Dù không hi sinh mạng sống vì nước nhà nhưng chính ý chí tinh thần bất khuất, tấm lòng yêu nước kiên trinh đã giúp ông trở thành tấm gương tiêu biểu về một nhà nho giữ gìn trọn vẹn nghĩa khí, trọn vẹn nhân cách đạo đức của người Việt Nam.

4. Kết luận

Trong lịch sử phát triển của văn học trung đại Việt Nam, thể loại ký giữ một vai trò rất quan trọng và gặt hái được nhiều thành tựu nhất định. Đặc biệt là giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX, ký trung đại phát triển đạt đến đỉnh cao với nhiều tác phẩm ký nghệ thuật tiêu biểu như *Thượng kinh ký sự*, *Vũ trung tùy bút*,

Tây hành kiến văn ký lược... Nguyên tắc hàng đầu là tôn trọng tính xác thực của đối tượng được phản ánh, miêu tả nên ký có mối liên hệ chặt chẽ với hiện thực xã hội. Vì vậy mà ký được xem là thể loại linh động trong việc phản ánh thời đại một cách chân thực nhất.

Bên cạnh những tác phẩm đồ sộ, được nhiều người biết đến thì *Bắc hành tòng ký* của Lê Quính lại có phần khiêm tốn hơn. Tập ký này được xem là tác phẩm văn xuôi hải ngoại đầu tiên viết về cuộc sống ngục tù của người Việt ở nước ngoài và có ý nghĩa to lớn về mặt lịch sử lẫn văn chương nghệ thuật. Tác giả viết tập ký này trong hoàn cảnh đặc biệt và có thể không vì mục đích sáng tác mà chỉ là để ghi chép lại những câu chuyện đương thời, về cuộc đời của bản thân khi lưu vong ở Trung Quốc. Tác phẩm đã góp một màu sắc rất riêng, không đơn điệu vào thể ký. Qua đó, giúp người đọc cảm nhận được những băn khoăn, trăn trở, bộc lộ tâm tư, nỗi niềm của tác giả.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Xuân Hãn (1993), *Bắc hành tòng ký*, NXB Thuận Hóa, Huế.
2. Ngô Gia Văn Phái (2002), *Hoàng Lê nhất thống chí*, NXB Văn học, Hà Nội.